

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO BẰNG  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2023

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lã Văn Luật

2. Ông Trịnh Văn Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lục Đức Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị X (T) - sinh năm 1981.

HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Pác Khuổi, xã L, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng ; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H - sinh năm 1974.

HKTT: tổ 01, phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 21 – K2, Trại giam Quyết Tiến, xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Nông Thị X (T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Văn H kết hôn ngày 22/02/1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2020 thì phát sinh mâu

thuần do ông H thường xuyên say xỉn, đánh đập bà. Đến cuối năm 2010, bà sang Thái Lan để lao động. Đến năm 2015, bà trở về nhưng ông H vẫn chứng nào tật đó không thay đổi, thường xuyên đánh chửi bà. Sự việc nhiều lần được tổ dân phố nhắc nhở nhưng ông H không nghe. Đến tháng 5/2016, bà không thể chung sống với ông H nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) người con chung là Hoàng Minh H - sinh ngày 16/5/1999 (Giới tính: Nam). Hiện con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2022, bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nông Thị T kết hôn năm 1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Cao Bằng. Khi kết hôn ông và bà T đều làm nghề tự do. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận được 12 năm, thời gian phát sinh mâu thuẫn là 07 năm do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày hai vợ chồng không hiểu nhau. Quá trình mâu thuẫn không xảy ra cãi cọ, xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng không nhờ đến anh em họ hàng hay tổ dân phố hòa giải. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2016. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó khả năng khắc phục và không thể tiếp tục chung sống được nữa.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) người con chung là Hoàng Minh H - sinh ngày 16/5/1999 (Giới tính: Nam).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị X (T).

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị X (T) được ly hôn với ông Hoàng Văn H.

Về con chung: Do con chung là Hoàng Minh H - sinh ngày: 16/5/1999 (Giới tính: Nam) đã trên 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nông Thị X (T) phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Nông Thị X (T) khởi kiện “Ly hôn” với ông Hoàng Văn H trú tại tổ 01, phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Các bên đương sự đều có đơn giải quyết vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị X (T) và ông Hoàng Văn H kết hôn vào ngày 22/02/1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Sau khi kết hôn, bà X và ông H chung sống hòa thuận hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Các bên đương sự xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà X và ông H đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của bà X.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) người con chung là Hoàng Minh H - sinh ngày: 16/5/1999 (Giới tính: Nam). Hiện con chung đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông H đều xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị X (T).

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị X (T) được ly hôn với ông Hoàng Văn H.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) người con chung là Hoàng Minh H - sinh ngày: 16/5/1999 (Giới tính: Nam). Hiện con chung đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nông Thị X (T) và ông Hoàng Văn H đều xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nông Thị X (T) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước đối với yêu cầu xin ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nông Thị X (T) đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003310 ngày 07/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Nông Thị X (T) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quỳnh Mai**

